TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2025
"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Lập và bà Lê Thu Thúy.

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thuỷ, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phien tòa số 80A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1958; nơi cư trú: tổ D, khu T, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: ông Hoàng Văn K, sinh năm 1958; nơi thường trú: tổ D, khu T, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi làm việc: Công ty cổ phần D; địa chỉ: số A, tổ A, khu I, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Về tình cảm: bà Nguyễn Thị Y và ông Hoàng Văn K chung sống với nhau từ năm 1983, tuy nhiên không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ năm 1983 đến khoảng năm 1993, bà Y và ông K sinh sống tại xã B, huyện H (nay là thành phố H); từ năm 1993 đến nay hai ông bà cư trú tại tổ D, khu B, huyện H (nay là tổ D, khu T, phường H), thành phố H. Quá trình chung sống, bà Y và ông K chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Y bị ông K đánh đập nhiều lần. Do không chịu

đựng được nữa, nên năm 2015 bà Y thuê phòng trọ tại tổ A, khu T, phường H, thành phố H để ở riêng. Đến nay, đã bà Y không còn tình cảm gì và cũng không muốn duy trì mối quan hệ vợ chồng với ông K, nên bà Y đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông K.

Về con chung: bà Y và ông K có 03 con chung là Hoàng Văn T, sinh ngày 08/02/1985; Hoàng Văn B, sinh ngày 20/7/1987 và Hoàng Thị H, sinh ngày 24/12/1989. Do các con chung đều đã thành niên, nên bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Hoàng Văn K trình bày: việc ông và bà Y chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền như bà Y trình bày là đúng. Sau khi kết hôn giữa ông và bà Y xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Ông và bà Y đã sống ly thân. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn với bà Y vì ông vẫn còn tình cảm với bà Y.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

+ Các đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng chỉ tham gia tố tụng tại Tòa án một lần. Do vậy, ông Hoàng Văn K đã cố tình vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 06 tháng 9 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình: đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Nguyễn Thị Y ly hôn với ông Hoàng Văn K.

Về con chung: các con chung của bà Y và ông K đều đã thành niên, nên không đề cập xử lý.

Về tài sản chung: bà Y không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

* Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: căn cước công dân của bà Nguyễn Thị Y (bản chứng thực); căn cước công dân của ông Hoàng Văn K (bản chứng thực); Giấy khai sinh của Hoàng Văn T, Hoàng Văn B, Hoàng Thị H (bản chứng thực); Xác nhận thông tin về cư trú (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: không có.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh; Văn bản số 19/UBND ngày 20/01/2025, về việc trả lời xác minh hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (bản chính); Văn bản số 33/UBND ngày 26/02/2025, về việc trả lời thông tin của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; Văn bản số 16/CV-UBND ngày 03/3/2025, về việc trả lời cung cấp thông tin đăng ký kết hôn của công dân của Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Văn bản số 69/UBND ngày 11/02/2025 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

* Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: về việc bà Nguyễn Thị Y và ông Hoàng Văn K chung sống với nhau từ năm 1983 và không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; về con chung.

* Nội dung các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được: không

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoàng Văn K, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn"; bị đơn ông Hoàng Văn K có nơi cư trú tại thành phố H. Nên, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Bị đơn ông Hoàng Văn K đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Y và ông Hoàng Văn K đều trình bày: ông bà chung sống với nhau từ năm 1983, không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tại Văn bản số 19/UBND ngày 20/01/2025, về việc trả lời xác minh hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nơi bà Y và ông K sinh sống từ năm 1983 đến năm 1993); Văn bản số 33/UBND ngày 26/02/2025, về việc trả lời thông tin của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nơi ông K cư trú trước khi ông K chuyển về xã B sinh sống); Văn bản số 16/CV-UBND ngày 03/3/2025, về việc trả lời cung cấp thông tin đăng ký kết hôn của công dân của Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nơi bà Y sinh sống trước khi bà Y chuyển về xã B sinh sống); Văn bản số 69/UBND ngày 11/02/2025 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nơi bà Y và ông K sinh sống từ năm 1993 đến nay) đều xác định bà Y và ông K không thực hiện đăng ký kết hôn tại các phường, xã trên.

Như vậy, đến nay có căn cứ xác định lời trình bày của bà Y, ông K về việc ông bà chung sống với nhau từ năm 1983 đến nay không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định là đúng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 06 tháng 9 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình, thì quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Hoàng Văn K được xác định là hôn nhân thực tế và là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Biên bản xác minh ngày 18/4/2025, tại tổ D, khu T, phường H, thành phố H thể hiện nội dung: quá trình chung sống, bà Y và ông K có xảy ra mâu thuẫn nên bà Y và ông K đã sống ly thân; bà Y đã thuê trọ ở riêng, còn ông K đi làm thỉnh thoảng mới về nhà. Mâu thuẫn cụ thể giữa bà Y và ông K như thế nào thì địa phương không nắm được.

Quá trình chung sống ông bà chung sống với nhau đến khoảng năm 2014-2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ông bà đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy thời gian bà Y và ông K sống ly thân kéo dài nhưng đến nay mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y: xử cho bà Y ly hôn với ông K.

Về con chung: bà Y và ông K có 03 con chung là Hoàng Văn T, sinh ngày 08/02/1985; Hoàng Văn B, sinh ngày 20/7/1987 và Hoàng Thị H, sinh ngày 24/12/1989. Do các con chung đều đã thành niên, nên bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: bà Y không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1958 (67 tuổi), tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi quy định: *"Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên"*. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Y đề nghị được miễn nộp án phí ly hôn sơn thẩm. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Hội đồng xét xử quyết định miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Y.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 06 tháng 9 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Y ly hôn với ông Hoàng Văn K.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Hoàng Văn K chấm dứt, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Y.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Hoàng

Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THA Dân sự tp Hạ Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc An